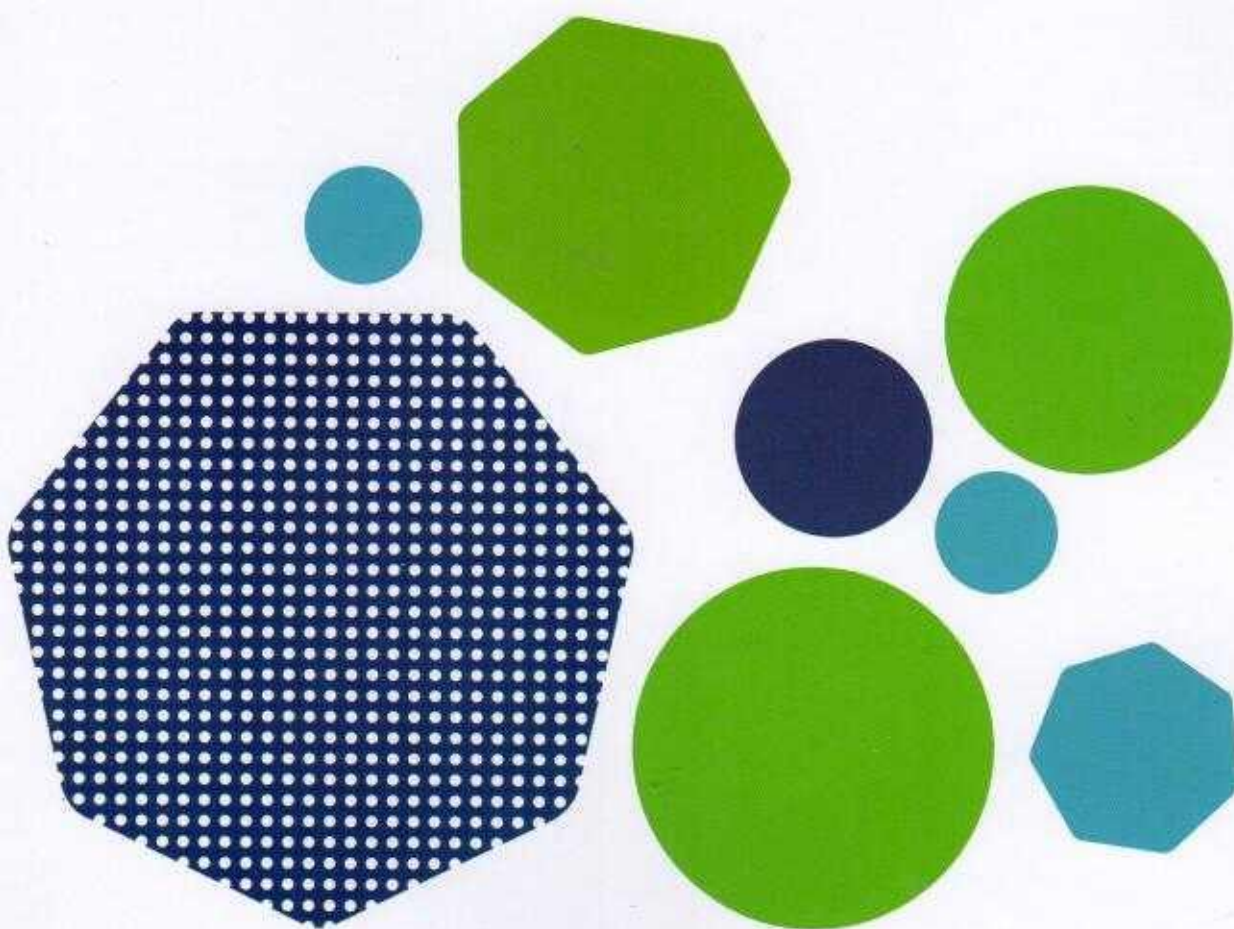


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Song Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Cường	Thành viên
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên
Ông Văn Việt Tuấn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/01/2021)
Ông Võ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/01/2021)

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban
Bà Lê Thị Như Ái	Thành viên
Ông Vũ Tiến Dũng	Thành viên

#### Phụ trách Kế toán

Bà Nguyễn Thị Vi Minh	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2021/QH14.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Hữu Phước**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Số: 22 /2022/UHY - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0666-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

**Lê Quang Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3660-2021-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.252.393.360</b>	<b>61.347.104.118</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.995.271.333	10.282.284.434
Tiền	111		2.995.271.333	5.282.284.434
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7.1	60.300.000.000	47.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.300.000.000	47.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.128.304.169	3.572.864.372
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	5.591.138.374	4.931.671.873
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	209.417.165	271.626.765
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.925.063.753	2.834.043.683
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.597.315.123)	(4.464.477.949)
Hàng tồn kho	140	10	815.303.969	491.955.312
Hàng tồn kho	141		3.505.354.017	4.284.920.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.690.050.048)	(3.792.964.928)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.513.889	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	13.513.889	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.417.949.559</b>	<b>14.115.890.390</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.500.000	15.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	15.500.000	15.500.000
Tài sản cố định	220		1.597.390.582	2.042.048.224
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.550.955.197	1.928.712.677
- Nguyên giá	222		11.803.838.547	11.803.838.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.252.883.350)	(9.875.125.870)
Tài sản cố định vô hình	227	13	46.435.385	113.335.547
- Nguyên giá	228		840.456.001	840.456.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(794.020.616)	(727.120.454)
Bất động sản đầu tư	230	12	6.805.058.977	7.039.869.289
- Nguyên giá	231		19.031.531.639	19.031.531.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.226.472.662)	(11.991.662.350)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7.2	-	5.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.178.000.000	1.178.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.178.000.000)	(1.178.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		-	18.472.877
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	-	3.787.871
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	14.685.006
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>77.670.342.919</b>	<b>75.462.994.508</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.472.715.610</b>	<b>10.021.614.136</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.587.698.814</b>	<b>3.136.597.340</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.000.000	10.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		180.193.601	219.681.726
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.195.269.044	827.439.349
Phải trả người lao động	314		850.116.900	888.828.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	294.042.337	294.042.337
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	738.494.364	642.955.460
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		319.582.568	253.649.568
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.885.016.796</b>	<b>6.885.016.796</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	16	3.497.356.796	3.497.356.796
Phải trả dài hạn khác	337	17	3.387.660.000	3.387.660.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.197.627.309</b>	<b>65.441.380.372</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>65.197.627.309</b>	<b>65.441.380.372</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		52.195.500	52.195.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.145.431.809	5.389.184.872
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		989.184.872	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.156.246.937	5.389.184.872
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>77.670.342.919</b>	<b>75.462.994.508</b>

Lâm Thị Hồng Loan  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Thị Vi Minh  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Phước  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

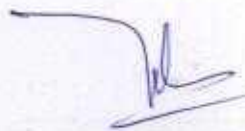
Mẫu số B 02-DN

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2021	Năm 2020
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	22.023.458.257	20.040.008.867
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22.023.458.257	20.040.008.867
Giá vốn hàng bán	11	21	7.546.996.238	8.272.438.892
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.476.462.019	11.767.569.975
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.244.500.735	4.954.483.758
Chi phí tài chính	22	23	1.055.250	846.952.445
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	1.325.294.994	1.323.543.499
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	7.409.886.722	7.505.860.760
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.984.725.788	7.045.697.029
Thu nhập khác	31	25	48.204.353	19.266.467
Chi phí khác	32		1.400	800
Lợi nhuận khác	40		48.202.953	19.265.667
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.032.928.741	7.064.962.696
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.861.996.798	341.351.838
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	14.685.006	1.454.352.539
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.156.246.937	5.269.258.319
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.193	878
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.193	878




Lâm Thị Hồng Loan  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Thị Vi Minh  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Phước  
Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03-DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		23.565.923.961	53.217.197.717
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(5.163.997.926)	(4.423.456.844)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(5.548.980.000)	(4.714.853.500)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(2.028.209.104)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		404.379.454	275.000.988
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(6.566.050.541)	(5.347.283.295)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.663.065.844</b>	<b>39.006.605.066</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(89.300.000.000)	(103.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		81.000.000.000	71.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.147.075.805	1.954.795.092
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.152.924.195)</b>	<b>(29.545.204.908)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.796.099.500)	(5.886.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.796.099.500)</b>	<b>(5.886.050.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(5.285.957.851)</b>	<b>3.575.350.158</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>10.282.284.434</b>	<b>6.707.230.776</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.055.250)	(296.500)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.995.271.333</b>	<b>10.282.284.434</b>

  
Lâm Thị Hồng Loan  
Người lập biểu  
TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2022

  
Nguyễn Thị Vi Minh  
Kế toán trưởng

  
Lê Hữu Phước  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**Mẫu số B 09-DN**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002784 ngày 21 tháng 10 năm 2004 và chứng nhận đăng ký kinh doanh & đăng ký thuế số 3600254548 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 07 năm 2020. Công ty được chuyển thể từ DNNN Công ty Điện tử Biên Hòa, ĐKKD số 102722 do Trọng tài Kinh tế TP.HCM cấp ngày 31/5/1993.

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa có trụ sở chính đặt tại: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận I, TP.HCM. Và các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội. Địa chỉ: 178 Phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ. Địa chỉ: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận I, Tp. HCM.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 60.000.000.000 VND; tương đương 6.000.000 cổ phần.

Số lượng nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2021 là 41 cán bộ công nhân viên đang làm việc (số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 41 nhân viên).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký của công ty bao gồm:

- Sản xuất, bảo hành, kinh doanh sản phẩm điện, điện tử và tin học;
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho hàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán lẻ thiết bị bu chính viễn thông...

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2020.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

*Đầu tư Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho dựa theo nguyên tắc giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá xuất hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

**3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<b>Thời gian sử dụng</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Công ty đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.12 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ (TIẾP)

##### Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong kỳ được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan.

Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính của Công ty được trình bày tại các thuyết minh kèm theo.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	288.228.742	389.286.869
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.707.042.591	4.892.997.565
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	5.000.000.000
	<b>4.995.271.333</b>	<b>10.282.284.434</b>

Chi tiết số nguyên tệ ngoại tệ

	31/12/2021	01/01/2021
	USD	USD
Tiền mặt	2.965	2.965
Tiền gửi ngân hàng	50	50
	<b>3.015</b>	<b>3.015</b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>209.417.165</b>	<b>271.626.765</b>
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	209.417.165	209.417.165
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	62.209.600
	<b>209.417.165</b>	<b>271.626.765</b>
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	<b>209.417.165</b>	<b>209.417.165</b>
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	209.417.165	209.417.165

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.513.889</b>	<b>-</b>
- Phần mềm kế toán	13.513.889	
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.787.871</b>
Chi phí dự án CCTV	-	3.787.871
	<b>13.513.889</b>	<b>3.787.871</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**7.1. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn hơn 3 tháng và không quá 1 năm tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – CN TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – CN TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Hội sở (Saigonbank), Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tân Định (Vietcombank)

**7.2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết</b>	<b>1.178.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.178.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Công ty Cổ phần Belco Hà Nội - Công ty liên kết (1)</i>	<i>1.178.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.178.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương (2)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
	<b>1.178.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.178.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
		<b>(1.178.000.000)</b>		<b>(1.178.000.000)</b>
				<b>(1.178.000.000)</b>

(1) Công ty hiện sở hữu 117.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Belco Hà Nội, chiếm tỷ lệ 38%.

(2) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.591.138.374</b>	<b>(4.597.315.123)</b>	<b>4.931.671.873</b>	<b>(4.464.477.949)</b>
- Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	3.319.190.948	(3.319.190.948)	3.319.190.948	(3.319.190.948)
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạc Việt	747.000.000	(747.000.000)	747.000.000	(747.000.000)
- Công ty TNHH Thương Mại Thời Trang Hải Đăng	495.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu các khách hàng khác	1.029.947.426	(531.124.175)	865.480.925	(398.287.001)
	<b>5.591.138.374</b>	<b>(4.597.315.123)</b>	<b>4.931.671.873</b>	<b>(4.464.477.949)</b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.925.063.753</b>	-	<b>2.834.043.683</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngân hàng	124.900.000	-	131.900.000	-
- Hàng gửi trung bày	6.695.036	-	6.695.036	-
- Các khoản chi hộ	370.000.000	-	370.000.000	-
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.422.567.397	-	2.325.142.467	-
- Phải thu khác	901.320	-	306.180	-
<b>Dài hạn</b>	<b>15.500.000</b>	-	<b>15.500.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	15.500.000	-	15.500.000	-
	<b>1.940.563.753</b>	-	<b>2.849.543.683</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	613.208.826	(579.509.141)	722.498.792	(637.772.355)
Công cụ, dụng cụ	108.054.958	(105.613.394)	108.576.046	(107.336.327)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	167.774.783	(163.247.095)	167.774.783	(163.247.095)
Thành phẩm	1.966.950.916	(1.276.437.813)	2.611.018.317	(2.296.229.458)
Hàng hóa	649.364.534	(565.242.605)	675.052.302	(588.379.693)
	<b>3.505.354.017</b>	<b>(2.690.050.048)</b>	<b>4.284.920.240</b>	<b>(3.792.964.928)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2021	5.691.128.880	3.134.263.483	2.938.355.275	40.090.909	11.803.838.547
31/12/2021	5.691.128.880	3.134.263.483	2.938.355.275	40.090.909	11.803.838.547
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2021	(5.691.128.880)	(2.409.795.876)	(1.734.110.205)	(40.090.909)	(9.875.125.870)
- Khấu hao trong năm	-	(167.234.328)	(210.523.152)	-	(377.757.480)
31/12/2021	(5.691.128.880)	(2.577.030.204)	(1.944.633.357)	(40.090.909)	(10.252.883.350)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2021	-	724.467.607	1.204.245.070	-	1.928.712.677
31/12/2021	-	557.233.279	993.721.918	-	1.550.955.197

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 8.212.651.647 đồng. (Tại ngày 31/12/2020 số tiền là: 7.730.720.420 đồng)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

**NGUYÊN GIÁ**

- Quyền sử dụng đất
- Nhà
- Cơ sở hạ tầng

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

- Quyền sử dụng đất
- Nhà
- Cơ sở hạ tầng

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

- Quyền sử dụng đất
- Nhà
- Cơ sở hạ tầng

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
	19.031.531.639	-	-	19.031.531.639
	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
	2.063.958.919	-	-	2.063.958.919
	(11.991.662.350)	(234.810.312)	-	(12.226.472.662)
	(1.875.300.812)	(58.817.988)	-	(1.934.118.800)
	(8.052.402.619)	(175.992.324)	-	(8.228.394.943)
	(2.063.958.919)	-	-	(2.063.958.919)
	7.039.869.289	(234.810.312)	-	6.805.058.977
	1.936.092.088	(58.817.988)	-	1.877.274.100
	5.103.777.201	(175.992.324)	-	4.927.784.877
	-	-	-	-

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá Bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 2.364.817.110 đồng. (Tại ngày 31/12/2020 là: 2.364.817.110 đồng.)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2021	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
31/12/2021	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>				
01/01/2021	(15.925.859)	(515.202.073)	(195.992.522)	(727.120.454)
- Khấu hao trong năm	(1.275.120)	(65.625.042)	-	(66.900.162)
31/12/2021	(17.200.979)	(580.827.115)	(195.992.522)	(794.020.616)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2021	47.710.505	65.625.042	-	113.335.547
31/12/2021	46.435.385	-	-	46.435.385

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 580.827.115 đồng. (Tại 31/12/2020 là: 251.819.637 đồng.)



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Đám Mây Việt	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021		Số phải nộp trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		31/12/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	535.240.670	1.934.549.846	1.934.549.846	2.043.364.869	426.425.647			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.419.679	1.861.996.798	1.861.996.798	2.028.209.104	84.207.373			
- Thuế thu nhập cá nhân	41.779.000	350.561.050	350.561.050	306.877.050	85.463.000			
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	3.596.392.836	3.596.392.836	997.219.812	2.599.173.024			
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	7.000.000	-			
	<b>827.439.349</b>	<b>7.750.500.530</b>	<b>7.750.500.530</b>	<b>5.382.670.835</b>	<b>3.195.269.044</b>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>294.042.337</b>	<b>294.042.337</b>
- Trích trước chi phí khuyến mại tổ chức du lịch Hồng Kông - Thâm Quyển - Quảng Châu theo giấy phép số 018/2017KD ngày	294.042.337	294.042.337
<b>Dài hạn</b>	<b>3.497.356.796</b>	<b>3.497.356.796</b>
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	3.497.356.796	3.497.356.796
	<b>3.791.399.133</b>	<b>3.791.399.133</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>738.494.364</b>	<b>642.955.460</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	738.494.364	642.955.460
<b>Dài hạn</b>	<b>3.387.660.000</b>	<b>3.387.660.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.387.660.000	3.387.660.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Công ty TNHH Thương mại Thời trang Hải Đăng	330.000.000	330.000.000
+ Công ty TNHH Quyết Thành	75.000.000	75.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Lục Thành	55.440.000	55.440.000
+ Công ty TNHH Kho vận MeKong	88.266.000	88.266.000
+ Công ty TNHH Hoàng Phúc Quốc Tế	1.654.554.000	1.654.554.000
+ Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Quốc tế Hạnh Phúc	1.184.400.000	1.184.400.000
	<b>4.126.154.364</b>	<b>4.030.615.460</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Quỹ khác	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	thuộc VCSH	sau thuế chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>12.117.461.832</b>	<b>52.195.500</b>	<b>(4.833.535.279)</b>	<b>67.336.122.053</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	5.269.258.319	5.269.258.319
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
- Trích thưởng HĐQT, BKS, người quản lý	-	-	-	(364.000.000)	(364.000.000)
- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận sau thuế năm 2020 (1)	-	(12.117.461.832)	-	12.117.461.832	-
- Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>31/12/2020</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>52.195.500</b>	<b>5.389.184.872</b>	<b>65.441.380.372</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>52.195.500</b>	<b>5.389.184.872</b>	<b>65.441.380.372</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	7.156.246.937	7.156.246.937
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
- Chia cổ tức năm 2020 (3)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Chia cổ tức năm 2021 (4)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>31/12/2021</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>52.195.500</b>	<b>5.145.431.809</b>	<b>65.197.627.309</b>

(1) Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế năm 2020 (theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 20/06/2020).

(2) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 23/04/2021).

(3) Chi cổ tức 5% năm 2020 (theo nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT ngày 26/05/2021).

(4) Chi tạm ứng cổ tức 5% năm 2021 (theo nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT ngày 26/05/2021).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Vốn góp của Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam (51%)	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác (49%)	29.400.000.000	29.400.000.000
	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>7.400.000.000</b>	<b>7.164.000.000</b>

**18.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
+ USD	3.015	3.015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Thu Ngân	97.880.000	97.880.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Phón	88.045.000	88.045.000
Công ty TNHH MTV TM KT Nhật Hào Huy	10.634.999	10.634.999
	<u>196.559.999</u>	<u>196.559.999</u>

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	458.196.074	1.565.066.088
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.565.262.183	18.474.942.779
	<u>22.023.458.257</u>	<u>20.040.008.867</u>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	390.722.106	1.422.070.989
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.835.003.359	1.864.983.043
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.864.184)	2.996.345.745
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	2.338.134.957	1.989.039.115
	<u>7.546.996.238</u>	<u>8.272.438.892</u>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.244.500.735	4.279.937.558
Doanh thu bán chứng khoán	-	674.546.200
	<u>3.244.500.735</u>	<u>4.954.483.758</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.055.250	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	525.063.037
Chi phí tài chính khác	-	321.889.408
	<u>1.055.250</u>	<u>846.952.445</u>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>7.409.886.722</b>	<b>7.505.860.760</b>
Chi phí nhân công	4.308.934.275	4.253.818.245
Chi phí công cụ dụng cụ	32.134.800	83.037.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.698.004	490.818.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	667.465.874	606.343.339
Chi phí dự phòng	132.837.174	(217.322.276)
Chi phí bằng tiền khác	2.165.816.595	2.289.165.389
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>1.325.294.994</b>	<b>1.323.543.499</b>
Chi phí nhân công	1.170.957.380	1.023.322.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.313.727	49.993.318
Chi phí hỗ trợ bán hàng	3.900.000	86.571.441
Chi phí công cụ dụng cụ	22.100.000	16.479.728
Chi phí bán hàng khác	95.023.887	147.176.052
	<u>8.735.181.716</u>	<u>8.829.404.259</u>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền bồi thường thu được	12.610.000	-
Các khoản khác	35.594.353	19.266.467
	<u>48.204.353</u>	<u>19.266.467</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	710.356.988	131.059.797
Chi phí nhân công	7.619.221.670	7.340.529.805
Khấu hao tài sản cố định	679.467.954	725.628.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	814.996.490	728.419.584
Chi phí bằng tiền khác	3.104.549.704	3.187.432.013
Chi phí dự phòng	115.972.990	(217.322.276)
	<b>13.044.565.796</b>	<b>11.895.747.451</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.032.928.741	7.064.962.696
Các khoản chi phí không được trừ	277.055.250	206.800.000
Chi phí khác	7.000.000	7.000.000
Thù lao HĐQT	269.000.000	199.800.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.055.250	
Chuyển lỗ các năm trước	-	(4.833.535.279)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	9.309.983.991	2.438.227.417
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.861.996.798	487.645.483
Giảm 30% thuế TNDN theo NĐ 114/2020/NĐ-CP	-	146.293.645
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>1.861.996.798</b>	<b>341.351.838</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lỗ tính thuế TNDN hoãn lại năm 2017	31.103.788.314	31.103.788.314
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2018	(3.888.651.817)	(3.888.651.817)
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2019	(19.869.948.772)	(19.869.948.772)
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2020	(7.271.762.696)	(7.271.762.696)
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2021	(73.425.029)	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ lũy kế	-	73.425.029
Thuế suất thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	14.685.006
Thuế TNDN hoãn lại	<b>(14.685.006)</b>	<b>(1.454.352.539)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.156.246.937	5.269.258.319
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.193</b>	<b>878</b>

**30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**31. THÔNG TIN KHÁC**

**31.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên HĐQT	21.091.000	18.000.000
Ông Lê Đức Minh	Thành viên HĐQT	21.091.000	249.025.000
Ông Vũ Song Toàn	Chủ tịch HĐQT	103.091.000	18.000.000
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	634.076.000	372.210.000
Ông Trần Đình Sơn	Thành viên HĐQT	15.818.000	15.000.000
Ông Nguyễn Đình Cường	Thành viên HĐQT	411.289.000	15.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT	15.818.000	15.000.000
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên HĐQT	94.136.000	30.000.000
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên HĐQT	78.318.000	-
		<b>1.394.728.000</b>	<b>732.235.000</b>

**31.2 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo thông báo 732 của Tổng Công ty Sonadezi ngày 27/09/2017 về việc nộp tiền thuê đất bổ sung từ năm 2006 đến năm 2017 với tổng số tiền 3.497.356.796 đồng. Tuy nhiên, cho tới thời điểm kiểm toán Tổng Công ty Sonadezi chưa xuất hóa đơn phần nộp bổ sung này, Công ty và Tổng Công ty Sonadezi đang đàm phán lại mức nộp. Do đó, Công ty đang tạm trích 3.497.356.796 đồng vào chi phí năm 2018.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**31.2 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)**

Theo Bản án số 46/2021/KDTM-ST ngày 02/07/2021, tòa án Nhân dân quận Đống Đa quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa, theo đó, Công ty TNHH CKK Việt Nam phải trả cho Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa số tiền là 589.539.138 đồng, trong đó Nợ gốc: 442.790.577 đồng và Nợ lãi là 146.478.561 đồng. Hiện tại, bản án chờ xét xử phúc thẩm do có kháng cáo của Công ty TNHH CKK Việt Nam toàn bộ bản án sơ thẩm số 46/2021/KDTM-ST.

**31.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.



Lâm Thị Hồng Loan  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Thị Vi Minh  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Phước  
Tổng Giám đốc

